

Bản án số: 18/2020/DS-PT

Ngày: 26/5/2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và ông Nguyễn Hữu Trúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tuấn A (thường gọi là Cẩm T), sinh năm 1979; Nơi cư trú : Khu phố D, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phương Thị L, sinh năm 1974; dân tộc: Nùng; Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phương Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2019, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Phạm Thị Tuấn A trình bày: Do bà L có nhu cầu để làm ăn nên bà có cho bà L vay 450.000.000đ, thể hiện bằng giấy viết tay lập ngày 02/4 dương lịch (17/02 âm lịch) và hẹn một tháng kể từ ngày mượn sẽ hoàn trả đủ, nếu không trả thì bà có

quyền lấy bất cứ tài sản nào của bà L để thu hồi nợ. Hai bên thỏa thuận riêng với lãi suất 2%/tháng và thế chấp cho bà 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Đến hạn bà L không trả tiền mặc dù nhiều lần bà yêu cầu bà L trả nợ, nên bà yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền gốc 450.000.000đ và lãi 9.000.000đ/tháng kể từ ngày 02/4/2018 đến 08/5/2019 là 117.000.000đ. Nhưng xét thấy hoàn cảnh bà L khó khăn nên bà rút một phần yêu cầu chỉ buộc bà L trả 300.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phương Thị L trình bày: Do điều kiện khó khăn nên bà vay của bà A 150.000.000đ, thời điểm vay vào ngày 08/7/2016 âm lịch với lãi suất 10%/tháng bà đã trả 15.000.000đ cho tháng đầu tiên, do lãi suất quá cao nên bà không có khả năng trả nợ. Bà A đã giữ chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà không thể thế chấp nhà vay tiền trả nợ. Do không trả nên bà A ép bà phải viết giấy nhận nợ với số tiền 450.000.000đ, nên sự việc kéo dài đến nay chưa trả được. Nay bà xin trả nợ gốc là 150.000.000đ và lãi theo mức lãi suất ngân hàng tổng cộng là 210.000.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phương Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Tuấn A (Cầm T) số tiền 300.000.00đ.

Bà Phạm Thị Tuấn A (Cầm T) phải có nghĩa vụ hoàn trả 04 giấy chứng nhận QSDĐ (bản chính) do bà Phương Thị L đứng tên gồm:

+ Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 150, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 228,6m², hạn sử dụng đến 01/7/2064.

+ Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 158, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 1.487,8m², hạn sử dụng đến 01/7/2064.

+ Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 151, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 228,6m², hạn sử dụng đến 01/7/2064.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số:40, bản đồ 73, tại tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 7.228,2m² (trong đó đất ở 400m² thời hạn sử dụng lâu dài, đất trồng cây lâu năm 6.828,2m², thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 26/11/2019, bị đơn bà Phương Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phương Thị L thừa nhận có nợ tiền bà Phạm Thị Tuấn A, bà L cho rằng chỉ nợ gốc 150.000.000đ còn việc viết giấy nợ 450.000.000đ là do bị ép buộc nhưng không có tài liệu chứng minh, sau khi bị ép buộc viết giấy nhận nợ bà L cũng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền can thiệp, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 300.000.000đ là có căn cứ.

[2] Giấy vay tiền không đề cập đến việc thế chấp 04 giấy chứng nhận QSDĐ, và việc giao 04 giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà Phương Thị L là do bị đơn tự nguyện giao cho nguyên đơn. Do đó nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại 04 giấy chứng nhận QSDĐ nói trên cho bà Phương Thị L.

Từ những viện dẫn trên cần chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phương Thị L, Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tuấn A (Cầm T) theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019. Buộc bà Phương Thị L phải trả cho bà Phạm Thị Tuấn A (Cầm T) 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng)

2. Bà Phạm Thị Tuấn A (Cầm T) phải có nghĩa vụ hoàn trả 04 giấy chứng nhận QSDĐ (bản chính) do bà Phương Thị L đứng tên gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 150, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 228,6m², hạn sử dụng đến 01/7/2064; Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 158, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 1.487,8m², hạn sử dụng đến 01/7/2064; Giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 151, tờ bản đồ số 62, tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 228,6m², hạn sử dụng đến 01/7/2064; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số:40, bản đồ 73, tại tại thôn T, xã E, huyện S, diện tích 7.228,2m² (trong đó đất ở 400m² thời hạn sử dụng lâu dài, đất trồng cây lâu năm 6.828,2m², thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà Phương Thị L phải chịu án phí DSST 15.000.000đ và án phí DSPT là 300.000đ. Đã nộp 300.000đ ở biên lai thu tiền số 0015063 ngày 03/12/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện S, nên còn phải nộp 15.000.000đ.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Tuấn A 13.950.000đ tiền tạm ứng án phí DSST. Đã nộp ở biên lai thu tiền số 0012831 ngày 06/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H. S (2);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trúc Vũ Ngọc Hà

Mai Tấn Hoàng